

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11/12/2006, Quyết định cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK- GPHĐKD ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK- GP ngày 05/03/2009 và Quyết định số 196/UBCK- GCN ngày 05/03/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tên giao dịch của Công ty là: National Securities Joint Stock Company. Tên viết tắt: NSI., JSC

Vốn điều lệ của Công ty: 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng), tương đương 5.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính tại: 106 Phố Huế, Phường Ngô Thi Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Công ty có một Phòng giao dịch tại 18 Phố Đoàn Trần Nghiệp, Quận Hai Bà Trưng Hà Nội.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy phép hoạt động, các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 23 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm 2010 và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Nguyễn Chí Thành	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Chí Dũng	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Hoàn Thành	Ủy viên
Trịnh Thanh Phong - Đại diện cho Cty TNHH Thương mại Ánh Sáng	Ủy viên

Các thành viên Ban điều hành Công ty trong năm 2010 và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Nguyễn Chí Thành	Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Người Đại diện theo pháp luật của Công ty
------------------	---

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Phạm Thị Hinh
Nguyễn Chí Dũng
Đinh Nguyệt Hà

Tổng Giám đốc - Ngày bổ nhiệm 01/02/2010
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bùi Thị Việt Hà
Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Trưởng ban - Ngày bổ nhiệm 09/09/2010
Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia Việt Nam, thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Integra International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng cam kết rằng không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT- BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Nguyễn Chí Thành

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2011



Số. 223 /2011/NAG/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc được lập ngày 10 tháng 03 năm 2011. Như đã trình bày tại Thuyết minh số III và IV của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác liên quan đến quá trình lập Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, 3 và trang 4, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Công ty chưa thực hiện đối chiếu và xác nhận công nợ phải thu khách hàng cá nhân mua hai mã chứng khoán PVF và KMR với giá trị ghi sổ là 3.496.000.000 đồng và giá trị thị trường là 2.681.724.000 đồng tại thời điểm 31/12/2010. Khoản phải thu khác bao gồm phí hoa hồng môi giới với giá trị 1.279.058.985 đồng tại ngày 31/12/2010 cho cộng tác viên. Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định thu hồi khoản phí môi giới đã chi này. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện đối chiếu và xác nhận nợ với đối tượng phải thu. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế đối với các khoản phải thu này. Tuy nhiên, các thủ tục kiểm toán này chưa giúp chúng tôi thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính hiện hữu của các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản phải thu này và các ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng trọng yếu (nếu có) của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Hoàng Tiến Lợi
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0234/KTV

Phan Lê Thành Long
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0922/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC GIA VIỆT NAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Integra International
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.261.881.430	53.232.041.181
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.583.601.783	39.016.861.021
1. Tiền	111	V.01	6.583.601.783	39.016.861.021
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.194.827.835	11.141.189.900
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	24.778.989.742	32.547.334.742
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn (*)	129		(19.584.161.907)	(21.406.144.842)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.029.325.185	3.022.249.260
1. Phải thu khách hàng	131		3.496.000.000	2.329.656.000
2. Trả trước cho người bán	132		236.266.200	692.593.260
3. Các khoản phải thu khác	138		1.297.058.985	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.454.126.627	51.741.000
1. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.03	2.454.126.627	51.741.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.647.267.999	4.679.754.255
I. Tài sản cố định	220		6.121.782.608	2.548.672.723
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	2.539.150.539	2.443.073.256
- Nguyên giá	222		7.164.196.183	5.796.610.420
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.625.045.644)	(3.353.537.164)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.05	3.582.632.069	105.599.467
- Nguyên giá	228		4.416.780.074	341.771.280
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(834.148.005)	(236.171.813)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		2.525.485.391	2.131.081.532
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	1.498.219.554	1.482.649.756
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.07	884.429.637	505.595.576
3. Tài sản dài hạn khác	268		142.836.200	142.836.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		27.909.149.429	57.911.795.436

Mẫu số B01- CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.102.645.172	37.186.490.001
I. Nợ ngắn hạn	310		7.097.937.437	37.181.782.266
1. Phải trả người bán	312		61.432.080	61.432.080
2. Người mua trả tiền trước	313		13.634.364	95.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	309.788.483	8.725.185
4. Phải trả người lao động	315		48.591.582	-
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.09	379.769.031	1.126.341.288
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		6.280.842.320	35.643.806.536
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.879.577	246.477.177
II. Nợ dài hạn	330		4.707.735	4.707.735
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		4.707.735	4.707.735
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.806.504.257	20.725.305.435
Vốn chủ sở hữu	410	V.10	20.806.504.257	20.725.305.435
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		219.857.812	219.857.812
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		528.621.659	536.841.659
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(29.941.975.214)	(30.031.394.036)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		27.909.149.429	57.911.795.436

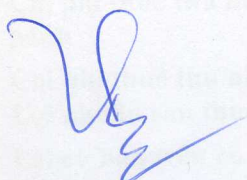
Mẫu số B01- CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	1	2
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	273.639.110.000	84.468.000.000
Trong đó:		-	-
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	-	-
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	-	-

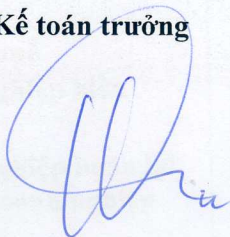
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Người lập



Lê Thị Hà

Kế toán trưởng



Đinh Thị Chuyên

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Chí Thành

Mẫu số B02 - CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu	01		17.522.088.774	11.575.794.232
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		14.065.001.171	8.993.216.820
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		202.975.750	737.672.700
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		136.343.636	26.326.800
Doanh thu khác	01.9		3.117.768.217	1.818.577.912
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		17.522.088.774	11.575.794.232
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		6.118.866.705	1.603.512.996
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		11.403.222.069	9.972.281.236
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.309.809.345	9.291.493.368
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		93.412.724	680.787.868
8. Thu nhập khác	31		214.876	211.781.305
9. Chi phí khác	32		4.208.778	95.953.190
10. Lợi nhuận khác	40		(3.993.902)	115.828.115
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		89.418.822	796.615.983
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		89.418.822	796.615.983
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Người lập



Lê Thị Hà

Kế toán trưởng



Đinh Thị Chuyên

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Chí Thành

Mẫu số B03 - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	T/M	2010	2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động KD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		89.418.822	1.115.682.783
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02		1.869.484.673	1.589.330.334
Các khoản dự phòng	03		1.416.017.065	(2.374.711.388)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			(644.870.374)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.374.920.560	(314.568.645)
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(2.007.075.925)	(2.369.650.426)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		-	4.349.375.700
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(30.083.844.829)	16.110.624.140
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(15.569.798)	1.827.876.933
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15			90.836.200
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.992.415.439)	(497.668.443)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(31.723.985.431)	19.196.825.459
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.442.594.557)	(188.086.321)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			-	211.781.305
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			-	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			3.496.000.000	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			1.034.345.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			202.975.750	737.672.700
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(709.273.807)	(238.632.316)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(32.433.259.238)	18.958.193.143
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		39.016.861.021	20.058.667.878
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		6.583.601.783	39.016.861.021

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Lê Thị Hà



Đinh Thị Chuyên



Nguyễn Chí Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B09- CTCK

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia là công ty cổ phần, được thành lập theo và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11/12/2006, Quyết định cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27-UBCK-GP ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK- GP ngày 05/03/2009 và Quyết định số 196/UBCK- GCN ngày 05/03/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ của Công ty: 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính tại: 106 Phố Huế, Phường Ngô Thì Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Công ty có một Phòng giao dịch tại 18 Phố Đoàn Trần Nghiệp, Quận Hai Bà Trưng Hà Nội. Công ty có một chi nhánh tại 57 Lê Thị Hồ Gấm, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán - Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 95/2008/TT- BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán; Thông tư 162/2010/TT- BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về sửa đổi thông tư số 95/2008/TT- BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09- CTCK

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành tại Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư tài chính có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng ít rủi ro và dễ chuyển thành 1 khoản tiền nhất định kể từ ngày mua.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị văn phòng	03-08
Phần mềm quản lý	03-08

4. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn phân bổ đều trong 3 năm;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn phân bổ đều trong 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09- CTCK

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

5. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Giá vốn cổ phiếu bán ra được ghi nhận theo phương pháp bình quân gia quyền.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

7. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

8. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09- CTCK

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hoạt động. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09- CTCK

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

V.01 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	56.020.407	96.490.743
Tiền gửi ngân hàng	6.527.581.376	38.920.370.278
- Trong đó		
+ Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	6.280.840.320	35.643.806.536
Cộng:	6.583.601.783	39.016.861.021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

106 Phố Huế, Phường Ngõ Thì Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V.02 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Mẫu B09- CTCK

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá trị trường				Đơn vị: VND	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Tổng giá trị theo giá trị trường	
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
I. Chứng khoán thương mại										
- Cổ phiếu										
ANV	80.000	80.000	10.640.000.000	10.640.000.000	-	-	9.512.000.000	9.248.000.000	1.128.000.000	1.392.000.000
BHS	4	4	75.660	75.660	53.540	40.340	-	-	129.200	116.000
BMC	2	2	288.800	288.800	-	-	238.400	153.800	50.400	135.000
CIC	82	55	2.398.500	2.128.500	-	-	1.381.700	1.144.000	1.016.800	984.500
CTN	10	10	143.040	143.040	-	146.960	3.040	-	140.000	290.000
DBT	7.500	7.500	311.250.000	311.250.000	-	-	127.500.000	86.250.000	183.750.000	225.000.000
DHA	9	6	299.700	299.700	-	-	107.100	35.700	192.600	264.000
DHI	38	38	1.795.500	1.795.500	-	-	1.502.900	1.350.900	292.600	444.600
DPM	2.160	2.160	132.356.080	132.356.080	-	-	50.276.080	58.916.080	82.080.000	73.440.000
DRC	8	4	53.100	53.100	266.900	434.900	-	-	320.000	488.000
EBS	720	110	6.288.150	5.188.150	695.850	-	-	3.571.150	6.984.000	1.617.000
FBT	100.000	100.000	4.960.000.000	4.960.000.000	-	-	3.980.000.000	3.530.000.000	980.000.000	1.430.000.000
GMC	2.836	2.836	63.500.000	63.500.000	-	16.758.800	10.466.800	-	53.033.200	80.258.800
GTA	8	8	118.560	118.560	-	-	44.160	22.560	74.400	96.000
HAI	15	15	325.865	325.865	220.135	274.135	-	-	546.000	600.000
HAS	6	6	34.450	34.450	23.150	45.350	-	-	57.600	79.800
HAX	13	13	360.000	360.000	-	-	179.300	140.300	180.700	219.700
HBC	6	6	171.690	171.690	80.310	31.710	-	-	252.000	203.400
HNM	60	60	915.840	915.840	-	-	291.840	111.840	624.000	804.000
HPC	2.145	1.950	91.137.950	91.137.950	-	-	69.687.950	47.067.950	21.450.000	44.070.000
HSI	30.000	30.000	1.320.000.000	1.320.000.000	-	-	990.000.000	981.000.000	330.000.000	339.000.000
ITA	6	4	150.800	150.800	-	-	51.200	10.800	99.600	140.000
KHA	2	2	34.200	34.200	1.000	14.800	-	-	35.200	49.000
KHP	4	2	72.020	52.020	-	-	31.220	22.020	40.800	30.000
KLS	162	81	2.022.280	1.212.280	585.920	1.258.220	-	-	2.608.200	2.470.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

106 Phố Huế, Phường Ngõ Thì Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃU B09- CTCK

V.02 Đầu tư tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường			Đơn vị: VND	
	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường			Đơn vị: VND	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng	Cuối năm	Đầu năm	Tổng giá trị theo giá thị trường	
L43	30.000	30.000	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-	-	540.000.000	663.000.000
LAF	3	2	103.200	88.200	-	-	-	67.800	35.800
MHC	8	8	251.500	251.500	-	-	-	64.000	78.400
NKD	2	2	130.150	130.150	-	-	-	82.400	77.000
PET	1	1	77.050	77.050	-	-	-	17.200	23.000
POT	209	209	4.100.900	4.100.900	-	-	-	3.051.400	2.884.200
PPC	7	7	322.148	322.148	-	-	-	81.900	132.300
PPG	900	600	30.000.000	27.000.000	-	-	-	10.710.000	12.300.000
PSC	100	50	1.614.000	864.000	-	-	-	3.450.000	1.370.000
PTC	110	110	2.065.320	2.065.320	-	-	-	1.584.000	1.166.000
PVF	20.000	20.000	1.568.000.000	1.568.000.000	-	-	-	470.000.000	584.000.000
PVS	1.200	1.700	106.149.000	181.970.000	-	-	-	24.960.000	54.230.000
PVT	12	8	341.000	301.000	-	-	-	122.400	57.200
RAL	2	2	112.600	112.600	-	-	-	265.500	311.500
REE	15	7	589.500	589.500	-	-	-	85.800	219.600
RIC	6	6	103.264	103.264	-	-	-	2.870.400	4.320.000
S55	96	96	1.926.144	1.926.144	-	-	-	4.473.000	6.336.000
S99	210	120	12.502.800	11.602.800	-	-	-	56.100	85.800
SAM	3	3	93.472	93.472	-	-	-	1.421.000	1.928.500
SAP	145	145	2.598.500	2.598.500	-	-	-	3.515.500	5.490.500
SD5	79	79	2.468.892	2.468.892	-	-	-	1.406.300	2.070.500
SD7	41	41	2.214.000	2.214.000	-	-	-	1.516.400	2.098.800
SD9	68	36	983.552	663.552	-	-	-	1.677.600	1.701.000
SIC	72	45	1.518.264	1.248.264	-	-	-	1.448.000	2.145.000
SJE	80	58	3.563.500	3.343.500	-	-	-	230.625.000	240.000.000
SJS	3.750	3.000	452.000.000	444.500.000	-	-	-	96.640.000	127.595.000
SSI	3.020	1.510	251.613.690	251.613.690	-	-	-		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V.02 Đầu tư tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
					Tăng		Giảm			
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
STB	157	117	3.964.196	3.688.196	-	-	1.420.796	868.496	2.543.400	2.819.700
STC	60	60	1.092.000	1.092.000	-	-	420.000	336.000	672.000	756.000
TCR	6	6	68.094	68.094	-	-	14.694	15.894	53.400	52.200
TMC	12	9	232.380	187.380	67.620	121.020	-	-	300.000	308.400
TPH	12	12	-	-	110.400	127.200	-	-	110.400	127.200
UNI	7	4	105.448	105.448	252	31.352	-	-	105.700	136.800
VC2	77	77	1.751.040	1.751.040	1.452.160	2.353.060	-	-	3.203.200	4.104.100
VCB	30.546	27.953	2.980.106.000	2.954.176.000	-	-	1.987.361.000	1.640.385.000	992.745.000	1.313.791.000
VCS	98	98	3.345.600	3.345.600	45.200	2.534.400	-	-	3.390.800	5.880.000
VIC	13	12	529.850	519.850	737.650	232.150	-	-	1.267.500	752.000
VIP	11	11	215.473	215.473	-	71.627	98.873	-	116.600	287.100
VSP	162	162	5.627.520	5.627.520	-	-	978.120	1.366.920	4.649.400	4.260.600
VTS	40	40	917.570	917.570	942.430	1.658.430	-	-	1.860.000	2.576.000
VTV	100	100	1.799.940	1.799.940	-	960.060	379.940	-	1.420.000	2.760.000
Tổng cộng:	317.236	311.378	24.778.989.742	24.813.334.742	9.801.565	35.020.298	19.584.161.907	18.203.165.140	5.204.629.400	6.645.189.900

V.03 Tài sản ngắn hạn khác

31/12/2010	31/12/2009
VND	VND
2.454.126.627	51.741.000
2.454.126.627	51.741.000

Tạm ứng

Cộng:

17
16
15
14
13
12
11
10
9
8
7
6
5
4
3
2
1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

106 Phố Huế, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B09- CTCK**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V.04 Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị: VND Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	4.032.293.391	469.505.500	1.294.811.529	5.796.610.420
Tăng trong năm	148.001.097	-	1.219.584.666	1.367.585.763
Mua trong năm	148.001.097	-	1.219.584.666	1.367.585.763
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.180.294.488	469.505.500	2.514.396.195	7.164.196.183
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	2.462.863.998	215.190.027	675.483.139	3.353.537.164
Tăng trong năm	799.788.284	78.250.917	393.469.280	1.271.508.480
Khấu hao trong năm	799.788.284	78.250.917	393.469.280	1.271.508.480
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.262.652.282	293.440.944	1.068.952.419	4.625.045.644
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	1.569.429.393	254.315.473	619.328.390	2.443.073.256
Tại ngày cuối năm	917.642.206	176.064.556	1.445.443.776	2.539.150.539

V.05 Tài sản cố định vô hình

NGUYÊN GIÁ	Phần mềm giao dịch	Cộng
Số dư ngày 01/01/2010	341.771.280	341.771.280
Mua trong năm	4.075.008.794	4.075.008.794
Giảm trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2010	4.416.780.074	4.416.780.074
HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư ngày 01/01/2010	236.171.813	236.171.813
Khấu hao trong năm	597.976.192	597.976.192
Giảm trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2010	834.148.005	834.148.005
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2010	105.599.467	105.599.467
Tại ngày 31/12/2010	3.582.632.069	3.582.632.069

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

106 Phố Huế, Phường Ngô Thì Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B09- CTCK****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V.06 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chi phí sửa chữa, thuê văn phòng	739.446.153	1.366.975.586
Chi phí trả trước dài hạn khác	758.773.401	115.674.170
Cộng:	1.498.219.554	1.482.649.756

Điều chỉnh hồi tố

Năm 2010, Công ty có điều chỉnh hồi tố khoản chi phí sửa chữa văn phòng phát sinh từ năm 2007, có chứng từ hợp lệ, giá trị chưa thuế là 797.667.000 đồng, phân bổ đều trong 5 năm. Số liệu ảnh hưởng hồi tố đến cột số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính năm 2010 gồm: chi phí quản lý tăng 319.066.800 đồng dẫn tới chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán giảm tương ứng 319.066.800 đồng; chỉ tiêu chi phí trả trước tăng 478.600.200 đồng là phần giá trị còn chờ phân bổ; chỉ tiêu phải trả người bán tăng 797.667.000 đồng.

V.07 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
- Tiền nộp ban đầu	319.929.007	319.929.007
- Tiền nộp bổ sung	564.500.630	185.666.569
Cộng:	884.429.637	505.595.576

V.08 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	4.038.418
Thuế thu nhập cá nhân	309.788.483	4.686.767
Cộng:	309.788.483	8.725.185

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V.09 Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	39.967.148	39.134.288
Các khoản phải trả phải nộp khác	306.261.883	1.053.667.000
Phải trả phải nộp tiền đặt cọc đấu giá	33.540.000	33.540.000
Cộng:	379.769.031	1.126.341.288

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B09- CTCK

V.10 Vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
I - Vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	219.857.812	219.857.812	-	-	-	-	219.857.812	219.857.812
8. Quỹ dự phòng tài chính	549.644.533	536.841.659	-	12.802.874	-	8.220.000	536.841.659	528.621.659
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(30.828.010.019)	(30.031.394.036)	1.115.682.783	-	89.418.822	-	(29.712.327.236)	(29.941.975.214)
Tổng cộng:	19.941.492.326	20.725.305.435	1.115.682.783	12.802.874	89.418.822	8.220.000	21.044.372.235	20.806.504.257

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

106 Phố Huế, Phường Ngô Thì Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B09- CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

VII.1 Số liệu so sánh

Số dư tại ngày 31/12/2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán AASC. Một số số liệu được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính năm nay.

VII.2 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ hoạt động

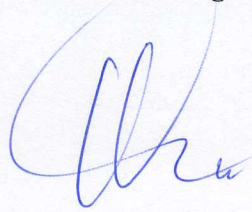
Không có sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Người lập


Lê Thị Hà

Kế toán trưởng


Đinh Thị Chuyên

Chủ tịch HĐQT


Nguyễn Chí Thành